

Bản án số: 48/2018/HS-ST

Ngày 29-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Mác
2. Ông Nguyễn Kim Quyết

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2018/TLST-ST, ngày 15 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 46/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Mai C, sinh ngày 12/12/1980.

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Nơi sinh: Thái Nguyên. Hộ khẩu thường trú: xóm H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: xóm C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Trần Đăng K, sinh năm 1944. Con bà: Lê Thị T (đã chết). Có chồng là Trần Văn T, sinh năm 1977 (đã ly hôn năm 2018). Có 01 con sinh năm 1999. Gia đình có 4 anh, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954.

Trú quán: Xóm H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993.

Trú quán: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1975.

Trú quán: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1974.

Trú quán: Xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1979.

Trú quán: Xóm C, xã S, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (nay là Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

6. Chị Phó Thị Đ, sinh năm 1973.

Trú quán: Xóm C, xã S, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (nay là thành phố T, tỉnh Thái Nguyên).

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2007, Trần Mai C đi lao động xuất khẩu theo hợp đồng giúp việc ở Ma Cao, Trung Quốc, nh- ng do không biết tiếng địa ph- ơng nên C đã ra ngoài làm thuê tự do tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc trái phép. Tại đây, C quen biết với một số cơ sở may mặc và biết đ- ọc các cơ sở này đang có nhu cầu tuyển lao động phổ thông nên C đã điện thoại liên lạc với bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1954, trú quán xóm H, xã M, huyện Đ là mẹ chồng của C) để cùng câu kết tổ chức đ- a những ng- ời dân có nhu cầu tìm việc làm trốn sang Trung Quốc lao động. Cách thức đi đ- ọc tiến hành nh- sau:

Sau khi C ở bên Trung Quốc liên lạc với các cơ sở may mặc và biết đ- ọc l- ợng ng- ời cơ sở may cần tuyển, C gọi điện, thông tin cho L và L sẽ là ng- ời đến các xã, huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để tìm ng- ời đ- a đi lao động tại Trung Quốc.

Khi tìm đ- ọc ng- ời, L thu của mỗi ng- ời từ 2.000.000đ (Hai triệu) đến 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn) để làm lộ phí đi đ- ờng, sau đó Ca số ng- ời này thành các nhóm rồi thuê xe ô tô đ- a họ đến biên giới Việt Trung thuộc huyện C, tỉnh Lạng Sơn hoặc thành phố M của tỉnh Quảng Ninh. Khi đ- a những ng- ời này đến nơi thì L liên lạc với C để C đến nhận ng- ời, đ- a sâu vào Trung Quốc sắp xếp công việc, chỗ ăn, ở và sinh hoạt cho những ng- ời này.

Khi đến Móng Cái thì L sẽ gọi điện liên lạc với một ng-ời đàn ông tên là T nhà ở cách bến xe Móng Cái khoảng 03 km và sát bờ sông (L không biết rõ họ tên, do C cho số điện thoại) để bàn giao ng-ời và L đ- a cho T số tiền là 530 (năm trăm ba m- ời) đồng nhân dân tệ/1 ng-ời. Sau khi bàn giao tiền và ng-ời cho T, L đi xe khách quay về Thái Nguyên còn T dẫn những ng-ời đi lao động đi thuyền v- ợt sông sang lãnh thổ Trung Quốc, sau đó đi xe ô tô đợi sẵn đến tỉnh Quảng Đông. Đến nơi C đón, bố trí chỗ ăn ở và đ- a họ đến nơi lao động, tiền công lao động của họ tại Trung Quốc do C là ng-ời trực tiếp lĩnh từ chủ ng-ời Trung Quốc để trả cho những ng-ời do C và L đ- a sang.

Còn đối với các lần đi tại cửa khẩu thuộc huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì L đứng ra thuê xe ô tô tập hợp mọi ng-ời ở km số 7 QL 1B (thuộc xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) rồi đ- a đến thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. L tiếp tục liên hệ với Âu Viết T (sinh năm 1979, trú quán xóm C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) đón. Trả cho T 60.000đ (sáu m- ời nghìn) tiền Việt Nam để đi xe ôm và tiền công dẫn đ- ông và đ- a cho T 600 (sáu trăm) đồng nhân dân tệ t- ơng đ- ơng khoảng 1.800.000đ/ 1 ng-ời để T đ- a cho ng-ời đón ở bên đất Trung Quốc, rồi L đi xe ô tô về, còn T dẫn mọi ng-ời đi xe ôm đến chân đồi rồi đi theo đ- ông mòn v- ợt biên trái phép sang lãnh thổ Trung Quốc. Tại đất Trung Quốc có xe ô tô đón và đ- a mọi ng-ời đến nơi làm việc. Khi đến tỉnh Quảng Đông, C đón và bố trí nơi ăn, ở làm việc cho mọi ng-ời nh- trên .

Đến tháng 5 năm 2011, việc Nguyễn Thị L, Trần Mai C tổ chức đưa người ra nước ngoài trái phép bị Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện, xử lý, C đã bỏ trốn, đến ngày 29 tháng 3 năm 2018 C đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 5 năm 2011, C đã nhiều lần đưa nhiều người trốn sang Trung Quốc để sắp xếp công việc bên nước bạn, trong đó đã làm rõ như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2010, Trần Mai C đã tiếp nhận và sắp xếp công việc, chỗ ăn, chỗ ở cho chị Hoàng Thị O (sinh năm 1975 trú quán Xóm L, xã H, huyện Đ, chị Phó Thị Đ sinh năm 1973 và anh Hoàng Văn D sinh năm 1979 đều trú quán: Xóm C, xã S, huyện P; chị Đoàn Thị H, sinh năm 1974, trú quán: Xóm P, xã H, huyện Đ tại Trung Quốc.

Khoảng tháng 02 năm 2011, Trần Mai C đã tiếp nhận và sắp xếp công việc, chỗ ăn, chỗ ở cho chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1993, trú quán: Xóm T, xã M, huyện Đ) anh Hoàng Văn P(sinh năm 1974, trú quán: xóm A, xã M, huyện Đ) tại Trung Quốc.

Ngoài ra còn những lần khác và người khác do khi tiếp nhận trên đất nước Trung Quốc vì không quen biết tên, địa chỉ nên không đủ tài liệu xác minh làm rõ.

Bản thân C không được hưởng lợi gì từ việc đưa người sang nước ngoài do chủ xưởng trả mà hàng tháng nếu số người làm thuê do C giới thiệu khoảng 10 người đến làm việc tại một xưởng thì C được chủ xưởng đó trả cho cho số tiền khoảng 4.680.000đ tiền Việt Nam tương ứng với một tháng lương (đó là lương quản lý) do C hướng dẫn những người mới sang làm việc, nếu họ làm sai C phải sửa lại.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT - VKSDH ngày 15/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố bị cáo Trần Mai C về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 349 BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ giữ nguyên công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo thể hiện qua bản cáo trạng và đề nghị mức hình phạt như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Mai C phạm tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

Áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 275; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo C mức án từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 55.000.000đ do bị cáo phạm tội mà có (*được trừ đi số tiền 20.000.000 đồng bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả*).

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và bị truy tố, xét xử là không oan, xin giảm nhẹ hình phạt được cải tạo tại địa phương do thiếu hiểu biết pháp luật chỉ nghĩ giúp mọi người có việc làm và thu nhập bị cáo không rủ rê, lôi kéo, thu tiền của ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Đồng Hỷ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo C thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản người phạm tội ra đầu thú, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định:

Do có thời gian lao động và có mối quan hệ quen biết với các cơ sở may mặc tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, biết được các cơ sở may mặc đang cần tuyển lao động phổ thông và sẽ trả lương cho người đưa người đến làm nên để nhận được tiền công với giá trị từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/ tháng từ các chủ cơ sở may mặc bị cáo đã tìm lao động phổ thông là công dân Việt Nam đến làm việc tại các xưởng may mặc trên. Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 5 năm 2011, bị cáo và Nguyễn Thị L đã nhiều lần tổ chức đưa người Việt Nam sang lao động trái phép tại Trung Quốc, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 6 năm 2010, bị cáo và Nguyễn Thị L đã tổ chức đưa trái phép chị Hoàng Thị O (sinh năm 1975 trú quán Xóm L, xã H, huyện Đ; chị Phó Thị Đ sinh năm 1973 và anh Hoàng Văn D sinh năm 1979 đều trú quán Xóm C, xã S, huyện P; chị Đoàn Thị H, sinh năm 1974 trú quán Xóm P,

xã H, huyện Đ) sang xưởng may ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc rồi sắp xếp chỗ lao động, bố trí chỗ ăn, ở sinh hoạt tại Trung Quốc.

Lần thứ 2: Khoảng tháng 5 năm 2011, bị cáo và Nguyễn Thị L tiếp tục tổ chức đưa trái phép chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1993, trú quán Xóm T, xã M, huyện Đ); anh Hoàng Văn P(sinh năm 1974, trú quán xóm A, xã M, huyện Đ) sang xưởng may ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc làm việc.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Mai C đã phạm tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Nội dung Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tổ chức ... người khác trốn đi nước ngoài ... thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội nhiều lần hoặc gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm.

....”.

Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra theo điều luật nói trên.

[3] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hành vi đó của bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, việc xét xử nghiêm minh đối với hành vi phạm tội của bị cáo là cần thiết mới có tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét về tính chất, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về tính chất, vai trò của bị cáo: Do hiểu biết pháp luật hạn chế và mục đích vừa giúp lao động người Việt Nam có việc làm và thu nhập mà bản thân bị cáo được các chủ cơ sở may của Trung Quốc trả tiền công quản lý, giới thiệu các lao động người Việt Nam. Bị cáo đã cùng L (L đã bị đưa ra xét xử năm 2012) tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, L là người trực tiếp thu gom, rủ rê, lôi kéo, thu tiền của những người lao động Việt Nam, bố trí phương tiện để đi. Bị cáo C không được hưởng lợi gì của người lao động Việt Nam.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo ra đầu thú; bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được ủy ban nhân dân xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015).

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (nay là Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015) có nơi cư trú rõ ràng. Khi quyết định hình phạt HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm đối với bị cáo phù hợp với nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội. Cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt, được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo Điều 47 và Điều 60 BLHS năm 1999, không cần cách ly bị cáo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Thể hiện chính sách nhân đạo và khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Vật chứng của vụ án: Áp dụng 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Mặc dù bị cáo không được hưởng lợi từ việc rửa rêu, lôi kéo, thu gom tiền, chuẩn bị phương tiện để đưa người khác trốn đi nước ngoài nhưng bị cáo được chủ xưởng trả cho số tiền giới thiệu và quản lý từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng tiền Việt Nam đồng trong khoảng thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 5/2011. Do đó, cần phải truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 55.000.000đ do bị cáo phạm tội mà có (*được trừ đi số tiền 20.000.000đ mà bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả đã nộp theo biên lai thu số 0005648 ngày 15/6/2018 của C cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ*).

[6] Liên quan đến vụ án này có hành vi phạm tội của Nguyễn Thị L bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử với mức hình phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo và Âu Viết T bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử với mức hình phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo theo bản án số 77/2012/HSST ngày 28/9/2012.

Đối với người đàn ông tên T ở thành phố M, tỉnh Quảng Ninh đến nay chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Mai C phạm tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 275; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Mai C 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Mai C cho Ủy ban nhân dân xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Truy thu, sung quỹ nhà nước số tiền 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu*) đồng do bị cáo phạm tội mà có (*được trừ đi số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu) đồng mà bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả (đã nộp theo biên lai thu số 0005648 ngày 15/6/2018 của C cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ)*). Nay bị cáo còn phải nộp số tiền là 35.000.000đ (*Ba mươi năm triệu*) đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- C cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã Minh Lập;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã Minh Lập;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Tuấn